

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn

Ông Nguyễn Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị PTV; địa chỉ: Tổ 1 Khu 3, phường A, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh HPD; địa chỉ: Số nhà 15 C 70, phường C, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị PTV trình bày:

Chị PTV và anh HPD kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng năm 2000. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng

về quan điểm, về tính cách nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, chị PTV cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh HPD theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là D, sinh ngày 02-9-2002 và E, sinh ngày 02-9-2002. Ly hôn, chị PTV đồng ý để anh HPD trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Về việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị PTV không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 08-5-2020, bị đơn anh HPD xác nhận quá trình chung sống vợ chồng giữa anh HPD và chị PTV có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng tính cách và lối sống, nên đồng ý ly hôn với chị PTV.

Về con chung: Anh HPD xác nhận vợ chồng có hai con là D, sinh ngày 02-9-2002 và E, sinh ngày 02-9-2002. Hiện cả hai con đang sống cùng anh HPD. Trường hợp ly hôn, anh HPD yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị PTV ly hôn anh HPD. Về con chung: Giao con D và con E cho anh HPD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không

xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị PTV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị PTV vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh HPD đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị PTV kết hôn với anh HPD trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường C, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng Số 58/2000, Quyền số 01/2000, ngày 25-10-2000 nên quan hệ hôn nhân giữa chị PTV và anh HPD là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị PTV cho rằng quá trình chung sống giữa Chị và anh HPD có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về cách sống nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ nhiều năm, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Về phía anh HPD, cũng xác nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đồng ý ly hôn với chị PTV. Qua đó, có căn cứ cho rằng, cả chị PTV và anh HPD đều không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị PTV và anh HPD đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị PTV yêu cầu ly hôn với anh HPD là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị PTV và anh HPD có 02 con là D, sinh ngày 02-9-2002 và E, sinh ngày 02-9-2002. Hiện nay cả hai cháu đều đang sống cùng anh HPD. Trường hợp ly hôn, anh HPD yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung; chị PTV cũng đồng ý để anh HPD nuôi cả hai con. Trong khi đó, các cháu D và E đều có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con D và E cho anh HPD nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các bên, phù hợp nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị PTV phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị PTV ly hôn anh HPD.
2. Về con chung: Giao con D, sinh ngày 02-9-2002 và E, sinh ngày 02-9-2002 cho anh HPD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị PTV phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008495 ngày 12-12-2009 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PTV đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường C, quận Hồng Bàng,
(GCN kết hôn số 58, quyền số 01/2000);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Hữu Hường